TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Sang

Ông Trịnh Chí Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Cẩm L, sinh năm 2003 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Bùi Nhật Q, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Trương Thị Cẩm L:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Cẩm L và ông Bùi Nhật Q tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2022 tại UBND xã N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Trương Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với chồng là ông Bùi Nhật Q.

Về con chung: Bà Trương Thị Cẩm L va ông Bùi Nhật Q có 01 người con chung tên Bùi Nhật P, sinh ngày 06/4/2021 (giới tính nam), hiện do ông Q đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà L tự nguyện để cho ông Q nuôi dạy con chung, không đặt ra yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trương Thị Cẩm L xác định bà và ông Bùi Nhật Q tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà Trương Thị Cẩm L xác định bà và ông quy không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Trương Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Nhật Q. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Bùi Nhật Q có nơi cư trú tại ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Bùi Nhật Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do. Do đó, xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Trương Thị Cẩm L và ông Bùi Nhật Q tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2022 tại UBND xã N, bà L và ông Q chung sống không hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với chồng là ông Q. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà L xác định không còn tình cảm với ông Q, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Q vắng mặt, cho thấy ông Q không có thiện chí đoàn tụ với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Trương Thị Cẩm L và ông Bùi Nhật Q được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Trương Thị Cẩm L và ông Nguyễn Nhật Q1 có 01 người con chung tên Bùi Nhật P, sinh ngày 06/4/2021 (giới tính nam), hiện do ông Q1 đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà L tự nguyện giao con cho ông Q1 nuôi dạy, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay cháu P sống chung sống ổn định với ông Q1, bà L tự nguyện giao con chung cho ông Q1 tiếp tục nuôi

dạy nên cần chấp nhận cho ông Q1 tiếp tục nuôi dạy con chung, bà L không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Cẩm L xác định bà và ông Bùi Nhật Q tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có. Quá trình giải quyết vụ án không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà Trương Thị Cẩm L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm L về việc ly hôn đối với ông Bùi Nhật Q.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Cẩm L và ông Bùi Nhật Q được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật P, sinh ngày 06/4/2021 (giới tính nam) cho ông Bùi Nhật Q tiếp tục nuôi dạy, bà L không đặt ra yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Cẩm L xác định bà và ông Bùi Nhật Q tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Cẩm L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 28 tháng 10 năm 2025, bà L có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004753 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Phích;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh